TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 669/2023/DS-PT
Ngày: 29 - 12 - 2023
V/v tranh chấp "Hợp đồng xây dựng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Ngoan

Bà Lâm Ngọc Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 374/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng xây dựng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 123/2023/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 884/2023/QĐPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn X1(gọi tắt Công ty X1)

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người đại diện hợp pháp:* Ông Nguyễn Văn P - Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: số A, tổ F, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Anh Trần Văn L, sinh năm 1987;

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1967;

Địa chỉ: tổ A, ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Luật sư Lê Hoàng Â - Văn phòng L2, Đoàn luật sư tỉnh T.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1979;

Địa chỉ: số B, đường số H, Khu dân cư T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà Cao Thị Ánh H1, sinh năm 1968;

3.3. Bà Nguyễn Thị Duy L1, sinh năm 1986;

3.4. Chị Nguyễn Thị Duy N, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: tổ A, ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn – Ông Nguyễn Văn X.

(Có mặt ông P, anh L, ông X và luật sư Â. Vắng ông H, bà H1, chị L1, chị N).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo án sơ thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Trần Văn L trình bày:

Ngày 04/12/2018, Công ty TNHH X1 có ký hợp đồng xây dựng số 453739/HĐKT- 2019 với ông Nguyễn Văn X, giá trị tạm tính hợp đồng là 1.530.704.218 đồng. Công trình hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đúng như hợp đồng. Phía ông X phải thanh toán cho Công ty các khoản gồm: Khối nhà chính 1.882.242.533 đồng; hồ nước 5m^3 thay thành 02 bồn 2m^3 7.900.000 đồng; phần cát san lấp: 61.358.623 đồng; nhân công tháo dỡ 15.000.000 đồng; tổng giá trị đã quyết toán là 1.950.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình thi công, ông X còn yêu cầu xây thêm bồn bông 7.900.000 đồng; kè chắn đất 122.695.176 đồng; lắp điện thêm chiếu sáng trong nhà 40.140.391 đồng; hệ thống thoát nước trong nhà 36.312.492 đồng; chi phí tháo dỡ nhà cũ 15.000.000 đồng; lan can cầu thang 105.650.000 đồng; hệ thống năng lượng mặt trời 6.569.082 đồng; làm thêm hàng rào 82.070.659 đồng; làm thêm ngoài vườn khu nhà mồ 58.149.892 đồng; lát đá hoa cương sảnh 35.522.284 đồng; mua vật tư 18.165.000 đồng; bù chênh lệch giá vật tư 87.135.004 đồng. Tổng giá trị phần làm thêm là 600.309.980 đồng. Nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn X phải trả số tiền phát sinh ngoài hợp đồng là 600.309.980 đồng.

+ Tại đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện nguyên đơn trình bày: Công trình xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng khối nhà chính và các hạng mục khác như thỏa thuận trong hợp đồng gồm: Khối nhà chính 1.882.242.533đồng; hồ nước 5m^3 thay thành 02 bồn 2m^3 giá 7.900.000 đồng; san lấp mặt bằng: 61.358.623 đồng; kè chắn đất 122.695.176 đồng; điện chiếu sáng trong nhà

40.140.391 đồng; hệ thống cấp thoát nước trong nhà 36.312.492 đồng; chi phí tháo dỡ nhà cũ 15.000.000đồng; lan can cầu thang 105.650.000đồng; hệ thống năng lượng mặt trời 6.569.082 đồng; chênh lệch giá vật tư 87.135.004đồng. Tổng chi phí quyết toán khối nhà chính 2.365.003.301đồng. Ông X đã thanh toán, tạm ứng 1.950.000.000đồng, còn lại 415.003.301 đồng. Ông X yêu cầu làm thêm: lát đá hoa cương sảnh 35.522.284 đồng; hàng rào xung quanh nhà (đang xây dựng) 82.070.659 đồng; làm thêm khu vườn 58.149.892 đồng. Chi phí là 193.907.835 đồng.

Như vậy, tổng số tiền ông X chưa thanh toán là (415.003.301đồng +193.907.835 đồng) = 608.911.166 đồng. Công ty yêu cầu hộ ông X phải trả tiền xây dựng 608.911.166 đồng. Đối yêu cầu phản tố của bị đơn phía nguyên đơn không đồng ý.

+ Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán giá trị thực tế phát sinh của công trình như kết quả giám định chất lượng xây dựng là 2.292.823.559 đồng, trừ đi số tiền bị đơn đã tạm ứng trước là 2.150.000.000 đồng, thành tiền là 142.823.000 đồng (tính tròn). Bị đơn phải trả lại nguyên đơn chi phí giám định là 40.000.000 đồng. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, nguyên đơn không đồng ý.

- *Bị đơn là ông Nguyễn Văn X trình bày:*

Ông và Công ty TNHH X1 có ký hợp đồng xây dựng số 453739/HĐKT-2019 ngày 04/12/2018. Theo hợp đồng, Công ty TNHH X1 chịu trách nhiệm lập thiết kế và thi công xây dựng căn nhà hoàn chỉnh ngang 8,7m, dài 26,55m (kể cả tam cấp trước 0,6m và nhà vệ sinh sau 2,8m) gồm 01 trệt, 01 gác lửng, mái thái bê tông + lợp tole, nền gạch men, tầng trệt 03 phòng ngủ, 01 phòng khách, 01 phòng ăn, 03 phòng tắm và vệ sinh; gác lửng 02 phòng ngủ, 01 phòng khách, 01 phòng tắm và vệ sinh, xung quanh tường nhà bên ngoài có lối đi bê tông cách chân tường 1,5m, phía sau cách 4m, xung quanh có kè chắn đất. Thời gian thi công từ ngày 04/12/2018, hoàn công 16/4/2019 với giá 1.530.704.218 đồng, có bảng kê khối lượng - giá vật tư kèm theo hợp đồng. Quá trình thi công em trai ông là Nguyễn Ngọc H đã tạm ứng 2.150.000.000 đồng là đã vượt 619.295.782 đồng so với hợp đồng.

Đi vào xây dựng có phát sinh các hạng mục sau: xây dựng phần thô trụ hàng rào 02 bên hông; phía sau nhà trên đà kè chắn đất có sẵn xây dựng đà, trụ hàng rào trước nhà; xây, tô tường nhà mồ; xây phần đáy 03 bồn bông nhà mồ; thay đổi gạch lót từ 60cm x 60cm thành 80cm x 80cm; lát đá hoa cương sảnh trước.

Ông yêu cầu Công ty TNHH X1 phải hoàn trả cho ông số tiền tạm ứng vượt là 619.295.782 đồng. Ông đồng ý trả giá trị hạng mục phát sinh ngoài hợp đồng theo giá của Hội đồng định giá.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông X rút lại yêu cầu nguyên đơn phải trả 619.295.782 đồng, chỉ yêu cầu trừ những phần phát sinh mà ông thừa nhận như: lan can cầu thang, lát đá hoa cương sảnh, gạch lót; làm thêm ngoài vườn yêu cầu thẩm định giá lại. Phần tiền dư sau khi trừ các phần xây dựng trên trả lại cho ông. Ông không đồng ý trả lại chi phí giám định cho nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc H trình bày:

Ông là em ruột của ông Nguyễn Văn X. Năm 2018 ông thống nhất tặng tiền cho ông X để xây dựng căn nhà 01 trệt 01 lầu, mái thái để gia đình ở. Ông Xuân chọn Công ty TNHH X1 để ký kết hợp đồng, ông là người trực tiếp chuyển tiền tạm ứng cho Công ty theo tiến độ thi công. Ông được ông X và ông P thông báo bản vẽ và bảng kê khối lượng - giá trị báo giá căn nhà xây dựng trọn gói là 1.530.704.218 đồng, thời gian thi công 04/12/2018, hoàn công 16/4/2019. Tổng cộng ông đã tạm ứng cho Công ty 2.150.000.000 đồng. Nay, Công ty yêu cầu ông X trả 600.309.980 đồng, ông không đồng ý vì:

Theo hợp đồng thiết kế - thi công xây dựng và bảng kê khối lượng - giá trị báo giá là 1.530.704.218 đồng nhưng đơn kiện căn nhà là 1.882.242.533 đồng mà không giải trình cụ thể.

Quá trình thi công, Công ty đã ứng của ông 2.150.000.000 đồng, Công ty thi công không đảm bảo thời gian, đến tháng 7/2019 mới tạm hoàn thành đưa vào ở.

Theo bảng kê khối lượng - giá trị quyết toán của Công ty có những hạng mục nằm trong bản kê khối lượng kèm hợp đồng: hồ nước, san lắp mặt bằng, kè chắn đất, điện chiếu sáng, hệ thống cấp thoát nước, chi phí tháo dỡ nhà cũ, lan can cầu thang. Đối với khoản chênh lệch vật tư do Công ty chịu.

Thừa nhận các hạng mục phát sinh ngoài hợp đồng: Xây dựng phần thô trụ hàng rào 02 bên hông, phía sau nhà trên đà kè chắn đất có sẵn, xây dựng đà, trụ hàng rào trước nhà; xây, tô tường nhà mồ; xây phần đáy 03 bồn bông nhà mồ; thay đổi gạch lót từ 60 x 60 thành 80 x 80; lát đá hoa cương sảnh trước.

Do đó ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thống nhất theo đơn phản tố của ông X.

* Bản án Dân sự sơ thẩm số 123/2023/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ các Điều 280, 357,

422 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 113, 138, 139, 140, 144, 147 Luật Xây dựng năm 2014, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn X1.

Buộc ông Nguyễn Văn X trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn X1 142.823.000 đồng (làm tròn).

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn X yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn X1 trả lại số tiền tạm ứng còn dư 619.295.782 đồng.

Đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án theo qui định pháp luật tố tụng dân sự.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông X yêu cầu thẩm định giá các công trình phát sinh theo sự thừa nhận của ông.

4. Chi phí tố tụng: ông Nguyễn Văn X phải trả lại Công ty trách nhiệm hữu hạn X1 40.954.000 đồng chi phí giám định.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo qui định của pháp luật.

* Ngày 21 tháng 7 năm 2023, ông Nguyễn Văn X có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông X phải trả chi phí phát sinh 142.823.000 đồng và chi phí tố tụng 40.954.000 đồng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn P (đại diện theo pháp luật của nguyên đơn) và anh Trần Văn L (đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án.

- Ông Nguyễn Văn X không đồng ý với việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của ông Nguyễn Văn X tranh luận: Bản án sơ thẩm không căn cứ vào hợp đồng xây dựng được kí kết giữa nguyên đơn và bị đơn để làm cơ sở giải quyết vụ án; không xem xét, đánh giá hết những mâu thuẫn, bất cập của "Bảng kê khối lượng giá trị quyết toán"; không chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá lại những hạng mục phát sinh ngoài hợp đồng và những hạng mục trùng lắp trong quyết toán (quyết toán 02 lần) là không phù hợp pháp luật; không xem xét, đánh giá chứng cứ một cách toàn diện, đầy đủ, chính xác và khách quan; chi phí tố tụng (giám định) là yêu cầu của nguyên đơn để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình và kết quả giám định chỉ phù hợp một phần nhưng lại buộc bị đơn phải hoàn trả toàn bộ chi phí tố tụng là không phù hợp pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có đơn phản tố yêu cầu nguyên đơn hoàn trả số tiền tạm ứng dư 619.295.782 đồng, sau đó bị đơn rút yêu cầu phản tố là đã có lợi cho nguyên

đơn. Bị đơn kháng cáo là có căn cứ phù hợp pháp luật. Mặt khác, tại phiên tòa nguyên đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện chứng tỏ nguyên đơn đã thừa nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn X; sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn X1 về việc buộc ông Nguyễn Văn X phải trả cho Công ty 142.823.000 đồng và chi phí giám định 40.954.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn X; sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Về chi phí tố tụng: Buộc nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 40.954.000 đồng. Hoàn trả cho ông bị đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghe quan điểm của Kiểm sát viên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn X còn trong thời hạn quy định nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Ông H, bà H1, chị L1, chị N có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người có tên nêu trên.

[2]. Tại phiên tòa, đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn P và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Văn L xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án. Bị đơn là ông Nguyễn Văn X không đồng ý việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế số 453739/HĐKT- 2019 ngày 04/12/2018 được ông Nguyễn Văn X (bị đơn) kí kết với Công ty trách nhiệm hữu hạn X1 (nguyên đơn) có nội dung: Ông X giao cho Công ty trách nhiệm hữu hạn X1 thực hiện thi công xây dựng công trình nhà ở gia đình. Hạng mục: cải tạo, sửa chữa và xây dựng mới. Địa điểm xây dựng: ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Công ty trách nhiệm hữu hạn X1 thực hiện việc thi công xây dựng công trình theo đúng bản vẽ thiết kế kỹ thuật và dự toán khối lượng, giá thành kèm theo đã được phê duyệt với giá trị hợp đồng tạm tính là 1.530.704.218 đồng

(Một tỷ, năm trăm ba mươi triệu, bảy trăm lẻ bốn ngàn, hai trăm mười tám đồng).

Nguyên đơn cho rằng công trình tạm hoàn thành và đưa vào sử dụng đúng như hợp đồng với giá trị quyết toán là 2.623.822.825 đồng. Ông X đã thanh toán tạm ứng cho nguyên đơn 2.150.000.000 đồng, phần chưa thanh toán là 608.911.166 đồng. Tuy nhiên, theo kết quả giám định chất lượng công trình của Sở Xây dựng tỉnh Đ thì giá trị thực tế của công trình là 2.292.823.559 đồng, cho nên nguyên đơn chỉ yêu cầu ông X trả cho nguyên đơn số tiền (2.292.823.559 đồng – 2.150.000.000 đồng) = 142.823.000 đồng (làm tròn).

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, bởi lẽ:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện hợp đồng xây dựng được các bên ký kết trên cơ sở bản vẽ kỹ thuật của kỹ sư Trương Lê B và bảng kê khối lượng - giá trị báo giá do phía Công ty trách nhiệm hữu hạn X1 (bên B) đưa ra, nên hợp đồng có ghi rõ: *"Bên B chịu trách nhiệm hoàn toàn thi công theo đúng bản vẽ kỹ thuật của Trương Lê B"*. Theo đó, bản vẽ kỹ thuật thể hiện nhà có tầng 2, nên hợp đồng quy định cụ thể: "*Ngày 19/01/2019, Bên A tiếp tục tạm ứng ngay 200.000.000 đồng cho Bên B để thi công đổ tiếp tục sàn BTCT tầng 2 với điều kiện Bên B hoàn thành đầu nối đà-cột-dầm-dàn BTCT, M&E và cốt pha đầy đủ đúng quy trình quy phạm kỹ thuật và mỹ thuật theo thiết kế của Bên B, kiểm tra an toàn tuyệt đối và khi phát sinh công việc phải lập phụ lục hợp đồng"*.

Như vậy, việc nguyên đơn cho rằng phần lầu lửng (tầng 2) là phần phát sinh sau khi hai bên đã ký hợp đồng, cho nên giá trị quyết toán khối nhà chính tăng thêm so với giá trị hợp đồng kí kết là không có cơ sở.

Đối với một số hạng mục phát sinh ngoài hợp đồng, nguyên đơn thừa nhận hai bên chỉ thỏa thuận miệng, trao đổi thông qua tin nhắn Zalo giữa nguyên đơn và ông H (em ông X) nhưng nội dung tin nhắn không thể hiện thỏa thuận giữa nguyên đơn và chủ đầu tư xây dựng là ông X về những hạng mục cụ thể nào, chi phí xây dựng các hạng mục phát sinh là bao nhiêu.

Mặt khác, nguyên đơn cho rằng có thay đổi thiết kế và làm thêm 01 số hạng mục phát sinh, trong đó có phần phát sinh tầng 2, nhưng không làm bảng kê khối lượng vật tư bổ sung, không thay đổi bản vẽ kỹ thuật, không ký kết phụ lục hợp đồng thể hiện rõ thời gian thực hiện, giá trị hợp đồng để thực hiện những hạng mục phát sinh đó.

Đồng thời, nguyên đơn lại lập và nộp 02 bảng kê khối lượng quyết toán giá trị công trình với 02 số tiền khác nhau là 2.558.911.136 đồng và 2.623.822.825 đồng, cả hai bảng kê này đều không được ông X, ông H thừa nhận, không có chữ ký xác nhận của ông X và ông H. Nếu căn cứ vào các bảng kê nêu trên để tính giá trị thực tế của công trình, trừ đi số tiền ông X và ông H đã tạm ứng 2.150.000.000 đồng thì số tiền phát sinh cũng không đến 608.911.166 đồng như nguyên đơn trình bày.

Tại biên bản đối chất ngày 21/12/2022, đại diện theo pháp luật của nguyên đơn xác nhận căn nhà xây dựng chưa xong do phát sinh khối lượng nên chưa tiến hành nghiệm thu và bàn giao công trình. Cho nên không có căn cứ để nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông X phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền phát sinh thêm.

Mặt khác, tại phiên tòa hôm nay đại diện của nguyên đơn đã tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Đây là tình tiết mới phát sinh tại giai đoạn xét xử phúc thẩm. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông X, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[4]. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[5]. Về án phí:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.141.000 đồng.

- Yêu cầu kháng cáo của bị đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên bị đơn không phải chịu phúc thẩm.

[5]. Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 40.954.000 đồng. Số tiền này nguyên đơn đã nộp xong nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của ông Nguyễn Văn X và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26, Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn X.

Sửa một phần Bản án Dân sự sơ thẩm số 123/2023/DS-ST ngày 13-7-2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn X1 về việc buộc ông Nguyễn Văn X phải trả số tiền 142.823.000 đồng và chi phí giám định 40.954.000 đồng.

- Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn X về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn X1 trả lại số tiền tạm ứng còn dư 619.295.782 đồng.

Ông Nguyễn Văn X có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

2/- Án phí:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn X1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.141.000 đồng. Công ty đã nộp tạm ứng án phí 14.300.000 đồng theo các biên lai thu số 0004262 ngày 26/10/2020 và 0004820 ngày 05/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 7.159.000 đồng (Bảy triệu, một trăm, năm mươi chín ngàn đồng).

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn X số tiền tạm ứng án phí 14.386.000 đồng (Mười bốn triệu, ba trăm tám mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004617 ngày 31/12/2020 và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012748 ngày 21/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND H. C;
- CCTHADS H. C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn (Thắm)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thu Thủy